

HẠN MỨC GIAO DỊCH VÀ BIỂU PHÍ THẺ GHI NỢ KIENLONGBANK TRÊN ỨNG DỤNG UMEE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1401/QĐ-NHKL ngày 26/05/2022
 của Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Kiên Long)

A. HẠN MỨC, BIỂU PHÍ

I DỊCH VỤ TÀI KHOẢN		
1	Số dư tối thiểu	0đ
2	Phí quản lý tài khoản	Miễn phí
3	Phí nộp tiền mặt tại quầy KLB	Miễn phí
4	Phí rút tiền mặt tại quầy KLB	0.03%, tối thiểu 11.000đ
5	Phí phát sinh khác	Theo quy định KienlongBank
II DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ		
1	Chuyển tiền trong nước	Mức phí
1.1	Tới tài khoản UMEE	Miễn phí
1.2	Tới các tài khoản đầu tư trong UMEE	Miễn phí
1.3	Tới tài khoản KienlongBank và ngân hàng khác	Miễn phí
2	Hạn mức giao dịch	Hạn mức
2.1	Mở online (Gói EKYC)	100.000.000đ/tháng
2.2	Gói khi đến quầy nâng cấp tài khoản (KYC)	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp KH sử dụng Token OTP loại cơ bản: hạn mức GD 1 lần: <500 triệu đồng; hạn mức GD 1 ngày: <1,5 tỷ đồng. - Trường hợp KH sử dụng Token OTP loại nâng cao: không giới hạn hạn mức giao dịch. - Trường hợp KH lựa chọn theo các gói dịch vụ Basic, Advance, Smart Basic, Smart Advance: hạn mức GD/lần và hạn mức GD/ngày theo quy định dịch vụ Mobile Banking của KienlongBank
3	Phí dịch vụ	Mức phí
3.1	Phí duy trì dịch vụ	Miễn phí
3.2	Phí tra soát khiếu nại	Miễn phí
3.3	Nhận biến động số dư qua Ứng dụng UMEE	Miễn phí
3.4	SMS banking	5.500 đ/tháng
3.5	Thanh toán và nạp tiền	Miễn phí
3.6	Phí phát sinh khác	Theo quy định KienlongBank
III DỊCH VỤ THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ		
1	THẺ VẬT LÝ VISA UMEE CLASSIC	
1.1	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	Hạn mức

1.1.1	Chuyển khoản tại ATM (Tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	100.000.000đ
1.1.2	Rút tiền mặt tại ATM trong nước	50.000.000đ
1.1.3	Rút tiền mặt tại ATM ngoài nước	30.000.000đ
1.1.4	Chi tiêu qua POS và online	100.000.000đ
1.2	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức
1.2.1	Chuyển khoản tại ATM (Tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	50.000.000đ
1.2.2	Rút tiền mặt tại ATM KienlongBank	5.000.000đ
1.2.3	Rút tiền mặt tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác
1.2.4	Chi tiêu qua POS và online	50.000.000đ
1.3	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí
1.3.1	Phí thường niên thẻ	Miễn phí
1.3.2	Phí thay thẻ thẻ	
	- Không do lỗi Chủ Thẻ: Thẻ hỏng do lỗi in dập Thẻ...	Miễn phí
	- Do lỗi Chủ Thẻ: Thẻ mất, thất lạc, bị hỏng trong quá trình sử dụng, bị nuốt tại ATM....	55.000đ
1.3.3	Phí chuyển đổi ngoại tệ	2,7% số tiền giao dịch
2	THẺ VẬT LÝ VISA UMEE PLATINUM	
2.1	Hạn mức giao dịch tối đa/ngày	Hạn mức
2.1.1	Chuyển khoản tại ATM (Tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	500.000.000đ
2.1.2	Rút tiền mặt tại ATM trong nước	100.000.000đ
2.1.3	Rút tiền mặt tại ATM ngoài nước	30.000.000đ
2.1.4	Chi tiêu qua POS và online	500.000.000đ
2.2	Hạn mức giao dịch tối đa/lần	Hạn mức
2.2.1	Chuyển khoản tại ATM (Tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	200.000.000đ
2.2.2	Rút tiền mặt tại ATM KienlongBank	10.000.000đ
2.2.3	Rút tiền mặt tại ATM Ngân hàng khác	Theo quy định của Ngân hàng khác

2.2.4	Chi tiêu qua POS và online	200.000.000đ
2.3	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí
2.3.1	Phí thường niên thẻ	Miễn phí
2.3.2	Phí thay thẻ thẻ	
	- Không do lỗi Chủ Thẻ: Thẻ hỏng do lỗi in dập Thẻ...	Miễn phí
	- Do lỗi Chủ Thẻ: Thẻ mất, thất lạc, bị hỏng trong quá trình sử dụng, bị nuốt tại ATM....	Miễn phí
2.3.3	Phí chuyển đổi ngoại tệ	2,5% số tiền giao dịch
2.4	Số dư tối thiểu trong tài khoản Thẻ	
2.4.1	Cá nhân	500.000đ/TK
3	HẠN MỨC, BIỂU PHÍ CHUNG	
3.1	Hạn mức giao dịch	Hạn mức
3.1.1	Tổng số lần tối đa/ngày chuyển khoản tại ATM (Tài khoản nhận thuộc KienlongBank)	99 lần
3.1.2	Tổng số lần tối đa/ngày rút tiền mặt tại ATM	20 lần
3.1.2	Thời hạn sử dụng	03 năm
3.1.3	Độ dài PIN	06 ký tự
3.2	Phí dịch vụ thẻ	Mức phí
3.2.1	Phí Phát hành thẻ mới	Miễn phí
3.2.2	Phí cấp lại mã số PIN	22.000đ
3.2.3	Phí khóa/mở thẻ	Miễn phí
3.2.4	Phí tắt toán (đóng) thẻ vật lý	50.000đ
3.2.5	Phí tra soát khiếu nại	
	- Lỗi không thuộc về khách hàng	Miễn phí
	- Lỗi thuộc về khách hàng	88.000đ/lần
3.2.6	Phí nhận lại thẻ bị giữ	Miễn phí

3.2.7	Phí dịch vụ đặc biệt (**)	100.000đ/lần
3.2.8	Phí duy trì dịch vụ Thẻ ⁽³⁾	
	- Thẻ chính	Miễn phí
	- Thẻ phụ	Miễn phí
4.3	Phí giao dịch tại máy ATM	Mức phí
4.3.1	Phí rút tiền mặt	
	- Tại ATM của KienlongBank	Miễn phí
	- Tại ATM của ngân hàng khác trong nước	Miễn phí
	- Tại ATM của ngân hàng ngoài nước	2,2%, tối thiểu 33.000 đ
4.3.2	Phí chuyển khoản trong hệ thống tại ATM KienlongBank	Miễn phí
4.3.3	Phí tra cứu số dư	
	- Tại ATM của KienlongBank	Miễn phí
	- Tại ATM của Ngân hàng khác	3.300đ/giao dịch
4.3.4	Phí in sao kê giao dịch tại ATM KienlongBank	
	- Tại ATM của KienlongBank	550đ/giao dịch
	- Tại ATM của Ngân hàng khác	3.300đ/giao dịch
4.3.5	Phí đổi mã số PIN	
	- Tại ATM của KienlongBank	Miễn phí
	- Tại ATM của Ngân hàng khác	Miễn phí
4.4	Phí giao dịch tại POS	Mức phí
4.4.1	Phí thanh toán hàng hóa dịch vụ	
	- Tại POS của KienlongBank đặt tại ĐVCNT	Miễn phí
	- Tại POS của Ngân hàng khác đặt tại ĐVCNT	Miễn phí
4.4.2	Phí đổi mã số PIN tại POS của KienlongBank đặt tại CN/PGD KienlongBank	Miễn phí

B. NGUYÊN TẮC THU PHÍ VÀ HẠN MỨC GIAO DỊCH

- Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.
(*): Các khoản phí không chịu thuế giá trị gia tăng.
(**): Phí dịch vụ đặc biệt là phí mà KienlongBank chấp nhận thực hiện những yêu cầu đặc biệt liên quan đến Thẻ của Chủ Thẻ gồm: Phí chuyển đổi hình thức bảo đảm thẻ(*); Phí thay đổi hạn mức tín dụng/hạn mức tín dụng tạm thời(*) (đối với Thẻ tín dụng); Phí thay đổi hạng Thẻ; Phí cấp lại Bảng sao kê giao dịch; Phí xác nhận theo yêu cầu của Chủ Thẻ; Phí phát hành nhanh(*); Phí thay đổi hạn mức giao dịch; Phí chọn số Thẻ theo yêu cầu (trừ Thẻ Platinum).
- Việc rút tiền mặt tại hệ thống ATM của ngân hàng khác có thể sẽ bị tính thêm một khoản phí do ngân hàng đó quy định.
- Các khoản phí dịch vụ và các chi phí khác đã thu theo biểu phí này không được hoàn lại trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy giao dịch.
- Các phí khác liên quan B107 không được quy định sẽ được áp dụng theo biểu phí hiện hành của KienlongBank.
- Danh sách các Ngân hàng liên kết với KienlongBank trong dịch vụ Thẻ và Ngân hàng điện tử sẽ được KienlongBank công bố trong từng thời kỳ.
- Biểu phí này có thể thay đổi, chỉnh sửa theo chính sách của KienlongBank trong từng thời kỳ.
- Các giao dịch thông qua thẻ, thì sẽ đồng thời kiểm tra hạn mức giao dịch của thẻ và tài khoản cùng lúc. Để đảm bảo nếu tài khoản chưa định danh KYC, thì vẫn giao dịch tối đa không vượt quá 100tr/tháng.